

**PHỤ LỤC 1a**  
**Báo cáo nội dung triển khai công tác Cải cách hành chính**  
*(Kèm theo BC số 194/UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023*  
*của UBND xã Tân Dân Thành phố Hạ Long)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	<b>31</b>	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	<b>100</b>	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	Tiếp tục thực hiện
<b>3</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Đã được đơn vị cấp trên kiểm tra	Có=1; Không=0	1	
3.2	Đã thực hiện tự kiểm tra	Có=1; Không=1	1	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra và tự kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2	Số vấn đề phát hiện, kiến nghị đã xử lý xong	Vấn đề		
<b>4</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; nhiệm vụ các cơ quan Trung ương giao</b>			
1.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	<i>Nhiệm vụ UBND thành phố giao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>		
	<i>Nhiệm vụ Tỉnh giao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>		
1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	NV Tp giao		
		NV Tỉnh giao		
1.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	NV Tp giao		
		NV Tỉnh giao		
1.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	NV Tp giao		
		NV Tỉnh giao		
1,5	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn	NV Tp giao		
		NV Tỉnh giao		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Có = 1; Không = 0		
6	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	<b>1</b>	
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	140	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0;	1	
		Phát phiếu = 1		
		Kết hợp = 2		
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>			
1	<b>Tổng số VBQPPL ban hành hoặc tham mưu cho UBND TP ban hành</b>	Văn bản		
2	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản		
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản		
3	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản		
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản		
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>			
1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	21	
2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
3	Số hợp đồng lao động làm việc	Người		
4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	26	<i>Số biên chế được giao năm 2015</i>
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	123	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	123	
	<i>Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	123	
<b>2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp (liên thông ngang)	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền (liên thông dọc )	Thủ tục	22	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,6	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận</i>	<i>Hồ sơ</i>	583	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	575	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng và trước hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	575	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>		
	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ CÔNG CHỨC</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1	Được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1; Không = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3	Vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Có = 1; Không = 0	0	
<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		<b>0</b>	
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	<b>0</b>	
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		<b>0</b>	
4.1	Lãnh đạo bị kỷ luật	Người		
4.1	công chức, viên chức bị kỷ luật	Người		
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>			
	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	<b>91%</b>	
1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.373	
2	Đã thực hiện	Triệu đồng	7.578	
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ VÀ CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			
<b>1</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử: Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử</b>			
1.1	Số lượng VB điện tử (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	976	
1.2	Số lượng CV đi (VB, BC, KH,.... theo dõi trên sổ CV đi)	%	976	
1.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (1.1/1.2)%	%	100	
<b>2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		123	
2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	93,49	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>115</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>115</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>16</i>	
2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	43	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>53</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>53</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>4</i>	
2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	93,49	
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>115</i>	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>115</i>	
2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>567</i>	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>566</i>	
2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		

## PHỤ LỤC 1b

### Báo cáo nội dung triển khai các mục tiêu Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND Thành phố

(Kèm theo Báo cáo số 194/BC - UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023  
của UBND xã Tân Dân Thành phố Hạ Long)

TT	Nội dung	Kết quả triển khai
<b>A</b>	<b>MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025</b>	
<b>I</b>	<b>VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	
1	100% các văn bản quy phạm pháp luật tham mưu của UBND Thành phố (đối với các phòng chuyên môn) được ban hành đúng quy trình, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật của Trung ương, trong đó xác định được những vấn đề ưu tiên giải quyết; 100% các kiến nghị sau kiểm tra, rà soát văn bản được cơ quan ban hành văn bản xem xét xử lý trong thời hạn quy định; kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến cơ sở	100% các kiến nghị sau kiểm tra, rà soát văn bản được xem xét xử lý trong thời hạn quy định; kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
3	100% các hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết tại các cơ quan, đơn vị được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống dịch vụ công của tỉnh, thành phố, đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia.	100% các hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống dịch vụ công của tỉnh, đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia
4	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; 100% các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND Thành phố bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm.	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định
5	Phối hợp hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; 90% giao dịch trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đối với Thành phố và cấp xã được xác thực danh điện tử.	Phối hợp hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; 90% giao dịch trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đối với cấp xã được xác thực danh điện tử.

TT	Nội dung	Kết quả triển khai
6	Tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân qua các kênh đánh giá luôn đạt tỷ lệ trên 99%, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, hải quan và hỗ trợ doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%	Tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân qua các kênh đánh giá luôn đạt tỷ lệ trên 99%, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế và hỗ trợ doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%
<b>II</b>	<b><i>Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh</i></b>	
1	100% doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; Phần đầu toàn Thành phố quy tụ được 25 doanh nghiệp công nghệ số (chiếm 50% kế hoạch Tỉnh), trong đó ít nhất 01 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực.	
<b>III</b>	<b><i>Về chuyển đổi số</i></b>	
1	100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở, được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số	Tiếp tục rà soát, đề xuất UBND Thành phố trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số
2	100% công việc từ Thành phố đến xã, phường phải được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ), 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số.	100% công việc được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ), 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số.
3	Phối hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau trong đó có thiết bị di động thông minh đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.	Phối hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau

TT	Nội dung	Kết quả triển khai
		trong đó có thiết bị di động thông minh đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp
4	Tối thiểu 70% hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4).	Tối thiểu 70% hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4)
5	100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số, trong đó 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số	100% cán bộ, công chức, được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số, trong đó 50% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số
6	Phấn đấu hết năm 2023: (i1) Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công ở cả 2 cấp; (i2) Phối hợp với các sở ngành (đơn vị chủ trì) hoàn thành 8 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng của tỉnh gồm: Đất đai; cán bộ, công chức, viên chức; y tế; giáo dục; quy hoạch; du lịch; đầu tư công; giao thông	Phấn đấu hết năm 2023: Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công ở cả 2 cấp; Sử dụng cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng dùng chung toàn tỉnh: Đất đai; cán bộ, công chức, quy hoạch; đầu tư công; giao thông
7	Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 2 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 2 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử



TT	Nội dung	Kết quả triển khai
8	100% người dân có định danh số và mỗi gia đình đều có địa chỉ số, hạ tầng mạng cáp quang băng rộng đến hộ gia đình đạt trên 90%.	
<b>B</b>	<b>ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030</b>	
1	Tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025	
2	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế	
3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) trên tổng số hồ sơ đạt từ 90% trở lên	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) trên tổng số hồ sơ đạt từ 90% trở lên.
4	Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025	
5	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý, tạo lập và lưu hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	100% hồ sơ công việc được xử lý, tạo lập và lưu hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)
6	Vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; đảm bảo liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực và phối hợp kết nối với các cơ quan, bộ ngành Trung ương và các Sở ban ngành	Vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; đảm bảo liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực và kết nối với các cơ quan, bộ ngành Trung ương

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kết quả triển khai</b>
7	100% số lượng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tham gia hệ thống chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả hệ thống thông tin của chính quyền các cấp	
8	Phân đầu thành phố Hạ Long có tối thiểu 200 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có các doanh nghiệp “Make in Vietnam” làm ra các sản phẩm công nghệ lõi, chủ lực trong chuyển đổi số, đô thị thông minh	